

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Viên.
2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần M.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Bùi Công Tr – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh Quang Hồng – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 796/2024/UQ-M (VPBANK) ngày 26/4/2024). Có mặt.

- Bị đơn:

+ Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 2000. Nơi đăng ký thường trú: Đội 3, thôn Đông Hạ, xã Đ1, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt.

+ **Chị Lê Thị Ngọc Tr1, sinh năm 2002.** Nơi đăng ký thường trú: 29/45 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố TH, tỉnh TH. Nơi ở: Khu phố Phố Cát, thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh TH. Xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 (Bố anh Tr).

+ Bà Mai Thị T, sinh năm 1977 (Mẹ anh Tr).

Cùng đăng ký thường trú: Đội 3, thôn Đông Hạ, xã Đ1, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Ông M vắng mặt, bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/6/2022 anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206236060768 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là VPBANK) để vay số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ cao cấp. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn nêu cụ thể phương thức trả nợ gốc lãi, tài sản bảo đảm tiền vay, mức lãi suất áp dụng,....

VPBANK đã thực hiện giải ngân số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) cho anh Tr – chị Tr1 theo Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022.

Ngoài ra, ngày 17/6/2022, VPBANK còn chấp thuận cấp thẻ tín dụng cho anh Nguyễn Xuân Tr với hạn mức 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử. Sau này, VPBANK đã tăng hạn mức thẻ của anh Tr lên là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngày 29/6/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, Thành phố Hà Nội, anh Nguyễn Xuân Tr cùng với VPBANK ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 3025/2022 quyền số 02-2022 TP/CC-SCC/HĐGD (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp). Theo Hợp đồng thế chấp này, anh Tr đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan tới thửa đất số 429, tờ bản đồ số 55, diện tích 124,5m² tại địa chỉ: xã Đ1, huyện Q, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 380846, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS-QO 14977 do Sở tài nguyên và môi Tr thành phố Hà

Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M ngày 31/12/2021 (Ngày 19/3/2022 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q xác nhận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Xuân Tr). Việc thế chấp đã được các bên đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Q ngày 02/7/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Tr – chị Tr1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình nên từ ngày 15/6/2023 các khoản nợ đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 29/12/2023, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã bán toàn bộ khoản nợ nêu trên của anh Tr – chị Tr1 cho Công ty TNHH một thành viên M hiện nay là Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPBANK-M và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPBANK-M, ký hiệu 1878/HĐ01 ngày 29/12/2023, Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPBANK-M và Phụ lục 01 Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPBANK-M, ký hiệu 451/HĐ02 ngày 29/12/2023. Do đó, tại Đơn khởi kiện, Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Tr - chị Tr1 phải trả cho Công ty M tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/4/2024 là: 1.046.116.671 đồng trong đó: Nợ gốc: 849.368.256 đồng; Nợ lãi: 163.037.389 đồng; Nợ thế tín dụng: 53.711.026 đồng.

- Anh Tr – chị Tr1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật, Tr – chị Tr1 không trả nợ đầy đủ cho Công ty M thì Công ty M được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tr hợp số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản khác của anh Tr – chị Tr1 để trả nợ cho công ty đến khi trả hết nợ.

Bị đơn – anh Nguyễn Xuân Tr trình bày:

Anh xác nhận anh và vợ Lê Thị Ngọc Tr1 có ký Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đúng như đại diện Công ty M đã trình bày. Thực tế số tiền mà Ngân hàng đã giải ngân, vợ chồng anh để cho cậu ruột của anh sử dụng. Hàng tháng, việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đều do cậu anh thực hiện nên anh không nắm rõ đã trả cho Ngân hàng được bao nhiêu tiền.

Ngoài ra, anh còn được Ngân hàng mở một thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Anh đã rút toàn bộ số tiền này một lần để sử dụng và chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ khoản vay này.

Đối với tài sản bảo đảm của khoản vay mà Công ty M nêu là của bố anh – ông Nguyễn Xuân M – đã cho anh. Trên thửa đất có một nhà bê tông 2 tầng do bố mẹ anh là ông M – bà T xây dựng năm 2023. Hiện có bố mẹ anh đang sinh sống tại nhà đất này. Vợ và con anh đã về quê ngoại, không ở đó.

Anh không có ý kiến gì về việc Ngân hàng bán khoản nợ của vợ chồng anh cho Công ty M. Hiện nay anh đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 1 Hà Nội theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Q nên anh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc. Anh đề nghị Tòa án liên hệ với bố mẹ và cậu của anh để trao đổi hướng giải quyết việc trả nợ giúp anh. Đề nghị Tòa án xem xét để tính dư nợ cho đúng quy định.

Bị đơn – chị Lê Thị Ngọc Tr1 trình bày:

Năm 2022, bố mẹ chồng chị là ông M và bà T có bảo vợ chồng chị ký vay một khoản tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tuy nhiên, thực tế số tiền được ngân hàng cho vay là để cho cậu ruột anh Tr sử dụng. Hàng tháng chị và anh Tr không phải trả nợ cho ngân hàng mà do cậu anh Tr thực hiện. Nay Công ty M khởi kiện yêu cầu chị và anh Tr trả nợ, chị sẽ trao đổi với bố mẹ chồng và cậu anh Tr về trách nhiệm trả nợ này. Nếu phải xử lý tài sản bảo đảm đã đứng tên anh Tr thì chị không có ý kiến gì. Chị đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và bà Mai Thị T trình bày:

Năm 2022 vợ chồng ông bà có ký tặng cho thửa đất số 429, tờ bản đồ số 55, diện tích 124,5m² tại địa chỉ: xã Đ1, huyện Q, Thành phố Hà Nội cho con trai Nguyễn Xuân Tr để làm thủ tục thế chấp vay tiền của Ngân hàng nhưng ông bà không rõ là Ngân hàng nào, vay hơn tám trăm triệu đồng. Thực chất là đứng ra vay tiền hộ cho em trai bà T. Nay anh Tr đang đi cai nghiện bắt buộc, chị Tr1 đưa con về quê ngoại sinh sống nên ông bà không biết quan điểm của anh chị như thế nào về việc trả khoản nợ này. Tài sản thế chấp là nơi duy nhất gia đình ông bà sinh sống nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho em trai bà T (người sử dụng tiền) thu xếp tài chính trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Công ty M yêu cầu Tòa án:

1. Buộc anh Tr – chị Tr1 phải trả cho Công ty M số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng, Khế nhận nợ và thẻ tín dụng như nói trên, tạm tính đến ngày 30/7/2024, là: 1.125.629.978đ (Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), trong đó:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng là: Nợ gốc: 849.368.256 đồng; Nợ lãi trong hạn 152.716.165 đồng; Nợ lãi quá hạn 55.139.126 đồng; Phạt chậm trả lãi 9.066.183 đồng. Tổng: 1.066.289.730 đồng.

- Dư nợ theo thẻ tín dụng: Nợ gốc: 39.613.312 đồng; Nợ lãi quá hạn: 19.726.937 đồng. Tổng: 59.340.249 đồng.

Công ty M rút yêu cầu đối với số tiền phạt chậm trả lãi 1.816.996 đồng của dư nợ thẻ tín dụng.

2. Buộc anh Tr – chị Tr1 tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2024 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã nêu, cho đến khi trả hết nợ.

3. Tr hợp anh Tr – chị Tr1 không trả được nợ thì Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay như đã nêu, để thu hồi nợ.

Tr hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Tr – chị Tr1 vẫn phải trả hết nợ cho Công ty M.

- Bà T trình bày: Đề nghị tạo điều kiện cho gia đình thời gian mấy tháng để thu xếp tiền trả nợ, tất toán khoản vay.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 299, 33, 307, 335 Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 167 Luật đất đai 2013; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012; Điều 61 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Tr – chị Tr1 phải trả Công ty M số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/7/2024 cụ thể như đại diện Công ty M trình bày tại phiên tòa. Từ ngày 31/7/2024, anh Tr – chị Tr1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong HĐTD đã ký và phù hợp với quy định của pháp luật, cho đến ngày trả hết nợ. Tr hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì lãi suất mà anh Tr – chị Tr1 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Đình chỉ đối với yêu cầu về tiền phạt chậm trả lãi của dư nợ thẻ tín dụng. Tr hợp anh Tr – chị Tr1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị tuyên Công ty M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm như đã nêu, để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Tr – chị Tr1 vẫn phải trả hết nợ cho Công ty M. Do bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét và dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Anh Tr – chị Tr1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 29/12/2023, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã bán toàn bộ các khoản nợ của anh Tr – chị Tr1 đã vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206236060768 ngày 29/6/2022, Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17/6/2022 cho Công ty TNHH một thành viên M. Theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPBANK-M và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPBANK-M, ký hiệu 1878/HĐ01 ngày 29/12/2023, Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPBANK-M và Phụ lục 01 Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPBANK-M, ký hiệu 451/HĐ02 ngày 29/12/2023, VPBANK đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng (gọi là quyền đòi nợ) thuộc sở hữu của mình cho Công ty M. Việc mua bán nợ đã

tuân thủ quy định tại Thông tư số 09/2015/NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 18/2022/NHNN ngày 26/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi một số điều của Thông tư số 09/2015/NHNN và quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, Công ty M có tư cách là người khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Công ty M khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 cư trú tại đội 3, thôn Đông Hạ, xã Đ1, huyện Q, thành phố Hà Nội, theo đúng địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh Tr – chị Tr1 đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông M vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung và hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng:

Ngày 29/6/2022, vợ chồng anh Nguyễn Xuân Tr - chị Lê Thị Ngọc Tr1 đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206236060768 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) để vay số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ cao cấp. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn nêu cụ thể phương thức trả nợ gốc lãi, tài sản bảo đảm tiền vay, mức lãi suất áp dụng,... VPBANK đã thực hiện giải ngân số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) cho anh Tr – chị Tr1 theo Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022.

Ngoài ra, ngày 17/6/2022, VPBANK còn chấp thuận cấp thẻ tín dụng cho anh Nguyễn Xuân Tr với hạn mức 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17/6/2022. Sau đó, hạn mức thẻ tín dụng đã được tăng lên là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Các chủ thể đã tự nguyện thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14 và 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm

2017. Do đó, các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc:

Các bên đương sự không có tranh chấp về dư nợ gốc của các khoản vay.

- Thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày VPBANK giải ngân số tiền vay (thể hiện trong Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022). Kể từ ngày 15/6/2023, toàn bộ dư nợ gốc đã chuyển sang nợ quá hạn. Hiện dư nợ gốc là 849.368.256đ (Tám trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng).

- Dư nợ gốc của thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 39.613.312đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười ba nghìn ba trăm mười hai đồng).

Vì vậy, yêu cầu của Công ty M về việc buộc anh Tr – chị Tr1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của các văn kiện tín dụng này là có căn cứ và được chấp nhận. Buộc anh Tr – chị Tr1 phải thanh toán trả cho Công ty M nợ gốc của Hợp đồng tín dụng và nợ gốc của thẻ tín dụng như nêu trên.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ lãi:

Công ty M yêu cầu Tòa án buộc anh Tr – chị Tr1 thanh toán tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 30/7/2024 như sau:

- Dư nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng gồm: Nợ lãi trong hạn 152.716.165 đồng; Nợ lãi quá hạn 55.139.126 đồng; Phạt chậm trả lãi 9.066.183 đồng.

- Nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng là: 19.726.937 đồng.

Đồng thời, yêu cầu anh Tr – chị Tr1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nói trên, cho đến khi trả hết nợ.

Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức lãi suất của hai khoản vay đã được Ngân hàng áp dụng, điều chỉnh đúng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, thẻ tín dụng và không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty M về trả nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi như nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Buộc anh Tr – chị Tr1 phải trả cho Công ty M số tiền nợ lãi của Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng như nêu trên.

Đối với yêu cầu của Công ty M về tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 là phù hợp với quy định theo hướng dẫn tại Điều 7 và 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, buộc anh Tr – chị Tr1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát

sinh kể từ ngày 31/7/2024 của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và thẻ tín dụng nói trên cho đến khi thanh toán hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Tr hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của VPBANK thì lãi suất mà anh Tr – chị Tr1 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của VPBANK.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Ngày 29/6/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, Thành phố Hà Nội, anh Nguyễn Xuân Tr cùng với VPBANK ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 3025/2022, quyền số 02-2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Theo Hợp đồng thế chấp này, anh Tr đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan tới thửa đất số 429, tờ bản đồ số 55, diện tích 124,5m² tại địa chỉ: xã Đ1, huyện Q, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 380846, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS-QO 14977 do Sở tài nguyên và môi Tr thành phố Hà Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M ngày 31/12/2021 (Ngày 19/3/2022 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q xác nhận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Xuân Tr). Việc thế chấp đã được các bên đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Q ngày 02/7/2022.

Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Hợp đồng đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã được các bên đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội Chi nhánh huyện Q ngày 02/7/2022 là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013, Điều 295 và 298 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Tại Điều 8 Hợp đồng thế chấp các bên có thỏa thuận cụ thể về các Tr hợp VPBANK có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017, Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Điều 299 Bộ luật dân sự 2015. Như đã nêu trên, anh Tr – chị Tr1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VPBANK, khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn toàn bộ và là nợ xấu thuộc Tr hợp được bán nợ. Do đó, yêu cầu của Công ty M về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu anh Tr – chị Tr1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Tr hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Tr - chị Tr1 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Công ty M đến khi trả xong nợ.

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh Tr – chị Tr1 phải chịu toàn bộ 45.768.899đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 295, 298, 299, 385, 401 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ khoản 3 điều 167 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 7 và 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M đối với anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1.

2. Buộc anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 phải trả Công ty cổ phần M số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206236060768 ngày 29/6/2022, Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022, và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17/6/2022, tạm tính đến ngày 30/7/2024, tổng số tiền là 1.125.629.979đ (Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

- Dư nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206236060768 ngày 29/6/2022, Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022 là 1.066.289.730đ (Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi đồng), gồm có:

+ Nợ gốc: 849.368.256đ (Tám trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 152.716.165đ (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm mười sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 55.139.126đ (Năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi sáu đồng).

+ Phạt chậm trả lãi: 9.066.183đ (Chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm tám mươi ba đồng).

- Dư nợ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17/6/2022 là 59.340.249đ (Năm mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng), gồm:

+ Nợ gốc: 39.613.312đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm mười ba nghìn ba trăm mười hai đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 19.726.937đ (Mười chín triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

3. Kể từ ngày 31/7/2024, anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 còn tiếp tục phải trả lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2206236060768 ngày 29/6/2022, Khế ước nhận nợ ngày 29/6/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài

sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17/6/2022, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Tr hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì lãi suất mà anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền phạt chậm trả lãi của dư nợ thẻ tín dụng là 1.816.996đ (Một triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Tr hợp anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần M có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3025/2022 quyền số 02-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, Thành phố Hà Nội, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 55, diện tích 124,5m² tại xã Đ1, huyện Q, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 380846, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS-QO 14977 do Sở tài nguyên và môi Tr thành phố Hà Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M ngày 31/12/2021. (Ngày 19/3/2022 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q xác nhận tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Xuân Tr). Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng kí đất đai Hà Nội Chi nhánh huyện Q ngày 02/7/2022.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Tr hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Công ty cổ phần M đến khi trả xong nợ.

6. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí:

- Anh Nguyễn Xuân Tr và chị Lê Thị Ngọc Tr1 phải chịu toàn bộ 45.768.899đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty cổ phần M số tiền 21.700.000đ (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020025 ngày 22/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hà Nội.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị T

Các Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị T